

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KINH TẾ VI MÔ

Hệ đào tạo: Đại học chính quy
(Dùng cho tất cả các ngành)

1. Tên học phần:

Tiếng Việt: **KINH TẾ HỌC VI MÔ**

Tiếng Anh: **MICRO ECONOMIC**

Mã học phần: DCB.02.03

Số tín chỉ: 03

Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 60 giờ

+ Lý thuyết và thực hành: 27 tiết

+ Bài tập lớn, thảo luận, kiểm tra: 30 tiết

+ Kiểm tra: 3 tiết.

Khoa, Bộ môn phụ trách học phần: Khoa Cơ bản, Bộ môn Kinh tế - Xã hội

Giảng viên phụ trách học phần (dự kiến): Th.S. Lê Thị Hồng Thủy

Giảng viên Học viện Tài chính

Tel.0917336799

Email: thuy290174@gmail.com

2. Các môn học tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác lê nin

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền về kinh tế học nói chung và kinh tế vi mô nói riêng, để người học nắm được những vấn đề về lý luận, bên cạnh đó người học có khả năng liên hệ với những hoạt động thực tiễn, vận dụng kiến thức lý luận vào thực tiễn.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

- Trang bị cho người học hệ thống kiến thức cơ bản về những vấn đề chung của kinh tế học vi mô, như: Thị trường và sự vận hành của thị trường, cơ chế hoạt động của thị trường cạnh tranh, độc quyền. các chủ thể kinh tế tham gia thị trường, các quy luật kinh tế cung cầu..tác động đến hoạt động của thị trường. Nguyên lý lựa chọn kinh tế tối ưu, các mô hình phân tích và các hành vi lựa chọn tối ưu của các chủ thể kinh tế: người tiêu dùng, nhà sản xuất, người đầu tư.. Vai trò và chính sách của chính phủ trong nền kinh tế

thị trường.

Về kỹ năng:

- Rèn luyện cho người học kỹ năng phân tích vấn đề, kỹ năng tư duy lựa chọn kinh tế, vận dụng các nguyên lý kinh tế học và các mô hình phân tích để đưa ra các quyết định lựa chọn kinh tế trong các tình huống trên thực tế liên quan đến hoạt động sản xuất, tiêu dùng, đầu tư..và cả hoạch định chính sách.

- Giúp người học phân tích, bình luận, đánh giá được các tác động của các nhân tố chủ quan, khách quan, nhân tố bên trong bên ngoài của môi trường kinh tế, chính trị và cả pháp luật chính sách đến các hoạt động của các chủ thể kinh tế, từ đó có sự điều chỉnh hành vi tối ưu nhằm đem lại lợi ích tối đa cho cá nhân và cả xã hội.

- Giúp người học có nền tảng kiến thức và khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu những môn học chuyên ngành tiếp theo như tài chính doanh nghiệp, kinh tế quốc tế, kế toán, kiểm toán..

Về thái độ:

- Nâng cao nhận thức cho người học về sự cần thiết phải lựa chọn kinh tế để đạt được mục tiêu không chỉ về kinh tế mà cả mục tiêu xã hội

- Người học có ý thức về sự đánh đổi trong quá trình lựa chọn, hay nói cách khác là nhận thức về chi phí cơ hội để cân trọng hơn khi lựa chọn.

- Người học nhận thức được tầm quan trọng, sự ảnh hưởng của hành vi của cá nhân đến hiệu quả kinh tế chung của cả nền kinh tế và ngược lại.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLO – Courses Learning Outcomes)

4.1. Nội dung chuẩn đầu ra học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên **có khả năng:**

CLO1:Nhớ được những kiến thức cơ bản về kinh tế: khái niệm, mô hình, quy luật kinh tế

CLO2:Hiểu được bản chất những kiến thức cơ bản mô tả tại CLO1; hiểu được cơ chế vận hành của nền kinh tế, tác động của các quy luật kinh tế, hiểu được tại sao các chủ thể kinh tế cần lựa chọn kinh tế tối ưu, hoạt động của thị trường cạnh tranh và độc quyền...

CLO3:Vận dụng được những kiến thức mô tả tại CLO1 và mô hình phân tích có liên quan để giải quyết các tình huống phát sinh từ thực tiễn, giúp cho các chủ thể kinh tế ra quyết định tối ưu

CLO4:Phân tích được các tác động của các nhân tố ảnh hưởng đến mô hình và vi kinh tế

CLO5:Đánh giá được tác động của các nhân tố ảnh hưởng: nhân tố chủ quan, khách quan, nhân tố vi mô vĩ mô, chính sách pháp luật..

CLO6:Sáng tạo, đưa ra được ý kiến tư vấn, đề xuất được giải pháp giúp chủ doanh nghiệp, chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước hoàn thiện hơn các biện pháp, công cụ , chính sách quản lý

4.2. Ma trận nhất quán giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO):

| | PLO 1 | PLO 2 | PLO 3 | PLO 4 | PLO 5 | PLO 6 | PLO 7 | PLO 8 | PLO 9 |
|------------------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| CLO 1 | | | | | H | | | | |
| CLO 2 | | | | | H | M | | | |
| CLO 3 | | | | | | M | | | |
| CLO 4 | | | | | | | H | M | |
| CLO 5 | | | | | | | | M | |
| CLO 6 | | | | | | | | | L |
| TỔNG HỢP HP | | | | | H | M | L | L | L |

4.3. Ma trận nhất quán giữa phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá với chuẩn đầu ra học phần (CLO)

| Hình thức đánh giá | CLO 1 | CLO 2 | CLO 3 | CLO 4 | CLO 5 | CLO 6 |
|---|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| Chuyên cần (tham gia đủ 100% số buổi) | H | H | | | | |
| Hoạt động cá nhân tại lớp (phát biểu, thảo luận, trả lời câu hỏi của giáo viên) | | H | H | M | | |
| Hoạt động cá nhân tại nhà (tự học, tìm kiếm tài liệu, làm bài tập về nhà, viết chuyên đề) | | | M | M | | L |
| Hoạt động nhóm (chuẩn bị bài thuyết trình, trình bày bài thuyết trình, phát biểu bảo vệ ý kiến của nhóm tại lớp) | H | H | | | M | L |
| Thực hành (Phiên tòa tập sự, tập diễn tình huống) | H | H | | | H | H |
| Kiểm tra giữa kỳ | H | | | M | L | L |
| Kiểm tra cuối kỳ (tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm) | H | | | M | L | L |

4.4. Ma trận nhất quán giữa phương pháp dạy học với chuẩn đầu ra học phần (CLO)

| | CLO 1 | CLO 2 | CLO 3 | CLO 4 | CLO 5 | CLO 6 |
|---|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| Dạy học nhóm | H | H | M | H | L | M |
| Nêu và giải quyết vấn đề | | M | H | H | L | L |
| Nghiên cứu tình huống điển hình (Case study) | | M | H | H | H | H |
| Sử dụng công nghệ trong dạy học (máy móc, mạng) | H | | | | | |

| | | | | | | |
|----------------------------|--|--|--|--|--|--|
| online, phần mềm ứng dụng) | | | | | | |
|----------------------------|--|--|--|--|--|--|

4.5. Ma trận nhất quán các bài học với chuẩn đầu ra học phần (CLO)

| | CLO 1 | CLO 2 | CLO 3 | CLO 4 | CLO 5 | CLO 6 |
|--|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| Bài 1. Tổng quan về KTH vi mô | A | I | P | | | |
| Bài 2. Cung cầu và hoạt động của thị trường | A | I | P | | | |
| Bài 3. Tác động của chính sách đến hoạt động của thị trường | A | P | I | | | |
| Bài 4. Lý thuyết hành vi tiêu dùng | A | | | | | |
| Bài 5. Lý thuyết hành vi tiêu dùng với mô hình lựa chọn tiêu dùng tối ưu | A | | | | | |
| Bài 6. Lý thuyết sản xuất | | | | I | | |
| Bài 7. Lựa chọn sản xuất tối ưu: bài toán phối hợp đầu vào | | | | I | | |
| Bài 8. Lý thuyết về doanh thu và lợi nhuận. Lựa chọn sản xuất tối ưu hóa đầu ra. | | | P | P | P | I |
| Bài 9. Thị trường cạnh tranh, độc quyền và vị thế của doanh nghiệp. Lựa chọn về giá và sản lượng của một doanh nghiệp cạnh tranh | A | | P | I | | |
| Bài 10. Lựa chọn về giá và sản lượng của một doanh nghiệp độc quyền, doanh nghiệp cạnh tranh có tính độc quyền, độc quyền nhóm | A | | P | P | | |
| Bài 11. Can thiệp của chính phủ đối với độc quyền | A | P | P | P | P | I |
| Bài 12. Thị trường yếu tố sản xuất: Lao động | A | | | | | |
| Bài 13. Thị trường vốn – bài toán đầu tư | A | | | | | |
| Bài 14. Vai trò của chính phủ trong nền kinh tế | A | | | | | |
| Bài 15. Tác động của các chính sách | I | I | I | I | I | I |

5. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài.

- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận tại lớp.
- Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm được giao
- Tham gia một bài kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia thi kết thúc học phần.

6. Học liệu:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

- Giáo trình Nguyễn Văn Dân (2011), Kinh tế học vi mô 1, NXB Tài chính
- Slides bài giảng của giảng viên.

6.2. Tài liệu tham khảo:

- Kinh tế học vi mô. Lý thuyết – bài tập – thực hành. Cao Thúy Xiêm (2012). NXB Tài chính.
- Kinh tế học vi mô trắc nghiệm. Vũ Kim Dũng. (2009). NXB Đại học Kinh tế quốc dân
- Kinh tế học vi mô David Begg

7. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Kinh tế học vi mô trang bị cho sinh viên những vấn đề cơ bản về kinh tế: hiểu được hoạt động của một nền kinh tế. Vai trò vị trí của các chủ thể kinh tế. Tương tác giữa các chủ thể kinh tế trên thị trường. Vấn đề kinh tế mỗi chủ thể cần giải quyết. Cách thức lựa chọn các vấn đề kinh tế một cách tối ưu. Lựa chọn của các chủ thể khi hoạt động trong lĩnh vực độc quyền. Lựa chọn sử dụng đầu vào trên thị trường lao động và vốn...Vai trò của chính phủ và các tác động chính sách....Ngoài ra, học phần còn trang bị cho sinh viên những cách phân tích, cách tiếp cận để gắn lý luận với vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực kinh tế nhằm giúp người học nâng cao nhận thức và khả năng xử lý các vấn đề trong cuộc sống hàng ngày.

8. Kế hoạch giảng dạy:

| Tuần | Bài | Nội dung giảng dạy | Lý thuyết | TL + KT | Nhiệm vụ của SV |
|--------|-------|---|-----------|---------|--|
| Tuần 1 | Bài 1 | Tổng quan về KTH vi mô | 02 tiết | 1 tiết | + Tra cứu tài liệu + Định hướng nội dung thảo luận: Mô tả hoạt động của một nền kinh tế trên cơ sở sử dụng mô hình biểu đồ vòng chu chuyển của nền kinh tế |
| | Bài 2 | Cung cầu và hoạt động của thị trường | 03 tiết | 02 tiết | + Tra cứu tài liệu, chuẩn bị nội dung bài học + Định hướng nội dung thảo luận: Tìm hiểu vai trò của luật cung cầu |
| Tuần 2 | Bài 3 | Bài 3. Tác động của chính sách đến hoạt động của thị trường | 02 tiết | 02 tiết | + Tra cứu tài liệu, chuẩn bị nội dung bài học; đọc tài liệu để chuẩn bị trả lời câu hỏi của GV tại lớp |

| Tuần | Bài | Nội dung giảng dạy | Lý thuyết | TL + KT | Nhiệm vụ của SV |
|-------------|------------|--|------------------|------------------|--|
| | | | | | + Làm bài tập ở nhà theo chủ đề. |
| | Bài 4 | Bài 4. Lý thuyết hành vi tiêu dùng | 02 tiết | 02tiết | + Định hướng nội dung thảo luận: tìm hiểu về tâm lý và quy luật trong tiêu dùng |
| Tuần 3 | Bài 5 | Bài 5. Lý thuyết hành vi tiêu dùng với mô hình lựa chọn tiêu dùng tối ưu | 01 tiết | 01 tiết | + Tra cứu tài liệu, chuẩn bị nội dung bài học + Đọc trước tài liệu để chuẩn bị trả lời câu hỏi của GV tại lớp + Làm bài tập ở nhà theo chủ đề. |
| | Bài 6 | Bài 6. Lý thuyết sản xuất | 02 tiết | 01 tiết kiểm tra | + Tra cứu tài liệu, chuẩn bị nội dung bài học + Đọc trước tài liệu để trả lời câu hỏi của GV tại lớp |
| Tuần 4 | Bài 7 | Bài 7. Lựa chọn sản xuất tối ưu: bài toán phối hợp đầu vào | 02 tiết | 01 tiết | + Tra cứu tài liệu, chuẩn bị nội dung bài học + Định hướng nội dung thảo luận: nguyên tắc phối hợp đầu vào tối ưu |
| | Bài 8 | Bài 8. Lý thuyết về doanh thu và lợi nhuận. Lựa chọn sản xuất tối ưu hóa đầu ra. | 02 tiết | 01 tiết | + Tra cứu tài liệu, chuẩn bị nội dung bài học + Định hướng nội dung thảo luận: nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận |
| Tuần 5 | Bài 9 | Bài 9. Thị trường cạnh tranh, độc quyền và vị thế của doanh nghiệp. Lựa chọn về giá và sản lượng của một doanh nghiệp cạnh tranh | 02 tiết | 01 tiết | + Tra cứu tài liệu, chuẩn bị nội dung bài học + Đọc trước tài liệu để trả lời câu hỏi của GV tại lớp + Làm bài tập ở nhà theo chủ đề. |
| | Bài 10 | Bài 10. Lựa chọn về giá và sản lượng của một doanh nghiệp độc quyền, doanh nghiệp cạnh | 02 tiết | 01 tiết | + Tra cứu tài liệu, chuẩn bị nội dung bài học + Định hướng nội dung thảo luận: biểu hiện của độc quyền và mặt trái của độc quyền |

| Tuần | Bài | Nội dung giảng dạy | Lý thuyết | TL + KT | Nhiệm vụ của SV |
|---------|--------|---|-----------|--------------------------|---|
| | | tranh có tính độc quyền, độc quyền nhóm | | | |
| Tuần 6 | Bài 11 | Bài 11. Can thiệp của chính phủ đối với độc quyền | 02 tiết | 01 tiết kiểm tra giữa kỳ | + Tra cứu tài liệu, chuẩn bị nội dung bài học + Định hướng nội dung thảo luận: biện pháp điều chỉnh của Chính phủ |
| Tuần 7 | Bài 12 | Bài 12. Thị trường yếu tố sản xuất: Lao động | 01 tiết | | + Tra cứu tài liệu, chuẩn bị nội dung bài học + Đọc trước tài liệu để trả lời câu hỏi của GV tại lớp |
| Tuần 8 | Bài 13 | Bài 13. Thị trường vốn – bài toán đầu tư | 02 tiết | 01 | + Tra cứu tài liệu, chuẩn bị nội dung bài học + Đọc trước tài liệu để trả lời câu hỏi của GV tại lớp + Làm bài tập ở nhà theo chủ đề. |
| Tuần 9 | Bài 14 | Bài 14. Vai trò của chính phủ trong nền kinh tế | 01 tiết | 01 tiết | + Tra cứu tài liệu, chuẩn bị nội dung bài học + Định hướng nội dung thảo luận: Những tình huống cần có sự can thiệp của chính phủ |
| Tuần 10 | Bài 15 | Bài 15. Tác động của các chính sách | 1 tiết | | + Tra cứu tài liệu, chuẩn bị nội dung bài học + Đọc trước tài liệu để trả lời câu hỏi của GV tại lớp + Chuẩn bị câu hỏi (để hỏi GV) về nội dung toàn bộ học phần đã học |

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

- Tên giảng đường:

- Danh mục trang thiết bị (bao gồm cả phương tiện công nghệ): máy chiếu, laptop, bút dạ viết bảng, phấn, bút chỉ slide.

10. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập:

10.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá:

Kiểm tra – đánh giá thường xuyên và kiểm tra - đánh giá định kỳ:

| Hình thức đánh giá | Phần trăm | Yêu cầu chung, mục đích, cơ sở lý luận, minh chứng |
|--------------------|-----------|--|
| 01. Chuyên cần | 10% | Yêu cầu chung: |

| | | |
|---|-----|--|
| (kiểm tra đánh giá thường xuyên trên lớp: 01 điểm) | | <ul style="list-style-type: none"> • Sinh viên có mặt, tham gia đầy đủ 100% buổi học, giờ học • Sinh viên tích cực phát biểu. • Sinh viên không nói chuyện, ngủ, ăn quà trong giờ học. <p>Mục đích:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đánh giá thái độ học tập: sự chăm chỉ, nghiêm túc, kỷ luật, sự hào hứng, say mê học tập |
| 02. Viết bài theo chủ đề (kiểm tra định kỳ: 3-4 bài) | 10% | <p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Sinh viên làm việc độc lập. • Sinh viên viết các bài theo các chủ đề đã học (khoảng 3-4 chủ đề). Điểm của sinh viên sẽ được đánh giá là điểm trung bình cộng của các bài viết. <p>Mục đích:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giúp sinh viên hệ thống lại kiến thức, phát triển kỹ năng phân tích, kỹ năng trình bày vấn đề bằng văn bản, kỹ năng lập luận. |
| 03 Kiểm tra giữa kỳ (trắc nghiệm, bán trắc nghiệm) | 20% | <p>Yêu cầu:</p> <p>Sinh viên thực hiện bài kiểm tra trong khoảng thời gian nhất định.</p> <p>Mục đích:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ghi nhớ kiến thức đã học • Có biện pháp cải tiến phương pháp học tập để đạt kết quả tốt hơn vào cuối kỳ. |
| 04 Thi hết học phần (vấn đáp, tự luận) | 60% | <p>Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Sinh viên nghiên cứu kỹ các mục tiêu của bài tập cần đạt, • Đọc, ghi nhớ tài liệu để có cơ sở lý thuyết cho bài tập phân tích tình huống <p>Mục đích:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Khuyến khích sinh viên chủ động tìm tòi, nghiên cứu • Tăng cường khả năng quan sát, tư duy và lập luận logic và phê phán |

10.2. Miêu tả chi tiết các bài tập và bộ tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá (Rubrics định tính cho bài thi hết học phần theo hình thức tự luận)

| Mức chất | Thang | Mô tả mức chất lượng | Điểm |
|----------|-------|----------------------|------|
|----------|-------|----------------------|------|

| lượng | điểm | | |
|-------------------|-------------|---|--|
| Xuất sắc | 9-10 | <p>Nội dung đủ, trả lời đúng 100% câu hỏi.</p> <p>Có phân tích mở rộng (phân tích đúng hướng và đủ ý).</p> <p>Có ví dụ minh họa.</p> <p>Dẫn chiếu chính xác điều luật liên quan.</p> <p>Trình bày rõ ràng, diễn đạt ngắn gọn, súc tích, logic.</p> <p>Không có lỗi về thuật ngữ chuyên môn.</p> <p>Không có lỗi chính tả.</p> | |
| Khá- Giỏi | 7-8 | <p>Trả lời đúng 70-80% câu hỏi.</p> <p>Dẫn chiếu chính xác điều luật liên quan.</p> <p>Có mở rộng, phân tích đúng hướng nhưng chưa đủ ý.</p> <p>Trình bày rõ ràng, diễn đạt logic.</p> <p>Mắc ít lỗi (1-2 lỗi) về thuật ngữ chuyên môn.</p> <p>Còn lỗi chính tả.</p> | |
| Trung bình | 5-6 | <p>Trả lời đúng 50-60% câu hỏi.</p> <p>Không phân tích mở rộng.</p> <p>Không dẫn chiếu hoặc dẫn chiếu chưa chính xác điều luật liên quan.</p> <p>Trình bày không rõ ý, chưa logic.</p> <p>Mắc lỗi về thuật ngữ chuyên môn (3-4 lỗi).</p> <p>Còn lỗi chính tả.</p> | |
| Yếu | 3-4 | <p>Trả lời sai, lạc đề, hoặc phần trả lời đúng dưới mức 50% câu hỏi.</p> <p>Không làm hết câu hỏi, bỏ nội dung hơn 50%.</p> <p>Không hiểu câu hỏi.</p> <p>Trình bày tối nghĩa, diễn đạt không rõ ý.</p> <p>Mắc nhiều lỗi về thuật ngữ chuyên môn (5-6 lỗi).</p> <p>Nhiều lỗi chính tả.</p> | |

| | | | |
|------------|-----|---|--|
| Kém | 0-2 | Trả lời sai, lạc đề, phần trả lời đúng dưới mức 20%. Không làm hết câu hỏi, bỏ đến 80% nội dung. Không hiểu câu hỏi. Không hiểu các thuật ngữ chuyên môn cơ bản, mắc nhiều lỗi về thuật ngữ chuyên môn (trên 6 lỗi). Trình bày tối nghĩa, diễn đạt không rõ ý. Nhiều lỗi chính tả. | |
|------------|-----|---|--|

10.3. Chính sách trong kiểm tra, đánh giá

- Sinh viên vắng mặt quá 20% số buổi sẽ không được làm bài thi kết thúc học phần.
- Sinh viên tích cực phát biểu, ham học hỏi, có sự sáng tạo trong thảo luận, tranh luận sẽ có điểm thưởng (cộng thêm điểm vào điểm chuyên cần hoặc bài tập, hoặc bài kiểm tra giữa kỳ).
- Sinh viên không nộp bài tập theo tuần sẽ không có điểm bài tập tuần đó (nộp muộn được chấp nhận sau 2 ngày nhưng bị trừ điểm).

HIỆU TRƯỞNG

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2019

P. TRƯỞNG KHOA

PGS.TS.NGƯT Phạm Ngọc Ánh

Nguyễn Đức Khâm